

Bài 2. Cho từ “gan dạ”:

a. Em hiểu “gan dạ” nghĩa là gì?

b. Tìm một thành ngữ, tục ngữ nói về tinh thần “gan dạ”.

Bài 3. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

a. “Những thân cây cao lưng chừng trời khẽ khàng thả xuống một chiếc lá úa.”

b. “Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con.”

Bài 4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“(1) Đó là một buổi chiều mùa hạ có mây trắng xô đuổi nhau trên cao. (2) Nền trời xanh vời vời. (3) Con chim sơn ca cất tiếng hót tự do, tha thiết đến nỗi khiến người ta phải ao ước giá mà mình có một đôi cánh.”

(Theo Đỗ Chu)

a. Gạch dưới các từ láy trong đoạn văn trên.

b. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ và vị ngữ của các câu trong đoạn văn.

c. Cho biết mỗi câu trên thuộc kiểu câu kể nào.

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 7 câu tả một đồ vật mà em yêu thích.

TUẦN 19: NGƯỜI TA LÀ HOA ĐẤT**TẬP ĐỌC**

“Bốn anh tài” (Truyện cổ dân tộc Tày)

“Chuyện cổ tích về loài người” (Xuân Quỳnh)

CHÍNH TẢ

Phân biệt s/x, iê/iêc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Chủ ngữ trong câu kể “Ai làm gì?”

Mở rộng vốn từ: “Tài năng”

I. Kiến thức**Chủ ngữ trong câu kể “Ai làm gì?”**

– Trong câu kể “Ai làm gì?”, chủ ngữ nêu lên sự vật (người, con vật hay đồ vật, cây cối được nhân hóa).

– Cấu tạo: Chủ ngữ thường do danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành.

Ví dụ:

– “Bố / đưa em đi chơi.”

CN VN (chủ ngữ là danh từ)

– “Hai vợ chồng ông lão đánh cá / sống trong một túp lều nhỏ.”

CN VN (chủ ngữ là cụm danh từ)

II. Bài tập**Chủ ngữ trong câu kể “Ai làm gì?”**

Bài 1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu kể “Ai làm gì?”:

a. _____ bay lượn nhón nhơ, rong chơi suốt ngày.

b. _____ đang quét dọn sân trường.

c. _____ tập thể dục mỗi sáng.

Bài 2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của các câu sau và cho biết cấu tạo của chủ ngữ:

a. “Đại bàng cầm móng vuốt vào đám lông chú Cừu, định cuôm chú Cừu đi.”

b. “Mấy con chim chào mào bay ra, hót râm ran.”

Bài 3. Đặt câu kiểu “Ai làm gì?”:

a. có từ “chủ công nhân” làm chủ ngữ

b. vị ngữ có từ “véo von”

Mở rộng vốn từ: “Tài năng”

Bài 1. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “tài năng”?

a. có nhiều của cải vật chất

b. có năng lực xuất sắc, khả năng làm việc giỏi và có sáng tạo trong công việc

c. được nhiều người yêu mến

Bài 2. Gạch dưới các từ chứa tiếng “tài” có nghĩa là “tiền của” trong những từ sau:

tài ba, tài liệu, tài chính, tài trí, tài khoản, tài đức, tài nghệ, nhân tài, tài sản, để tài,

tài hoa, gia tài, thiên tài, tài nguyên, tài giỏi

Bài 3. Đặt câu với mỗi từ sau: “tài đức”, “tài hoa”, “tài giỏi”.

Bài 4. Nối các thành ngữ, tục ngữ ở cột A cho phù hợp với nghĩa ở cột B:

A
1. “Người ta là hoa đất.”
2. “Nước lã mà vã nên hồ Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.”
3. “Tài sơ trí thiên.”
4. “Văn võ song toàn.”

B
a. Tài và trí đều kém cỏi.
b. Con người là tinh hoa, là thứ quý giá nhất trong trời đất.
c. Từ tay không mà làm nên sự nghiệp mới là người giỏi.
d. Văn và võ đều tài giỏi.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Chuyện về chú Chuồn Chuồn

“Chuồn Chuồn bay lượn nhõn nhõn, rong chơi suốt ngày. Tối tối, nó về khóm cây gần ao để ngủ. Lần nào nó cũng thấy bác Đom Đóm ngồi chong đèn học bài đến tận khuya. Thấy lạ, nó hỏi:

– Bác Đom Đóm ơi! Bác học làm gì thế?

– Tôi học để hiểu biết mọi việc trên đời. – Đom Đóm trả lời.

– Hừ, hiểu biết mọi việc trên đời! – Chuồn Chuồn dài giọng. Nói xong nó vỗ cánh bay đi.

Một lúc sau, Chuồn Chuồn hốt hải bay đến:

– Bác Đom Đóm ơi, ở gốc cây đằng kia có xác con gì kinh quá.

Nghe Chuồn Chuồn nói, bác Đom Đóm theo chân nó đến chỗ gốc cây. Bác nhìn cái xác ấy và nói:

– Đây chính là cái xác của cậu đấy!

– Của tôi? Bác không đùa đấy chứ? – Chuồn Chuồn ngạc nhiên.

Bác Đom Đóm chậm rãi trả lời:

– Không, tôi không đùa. Mẹ cậu đẻ trứng xuống nước, trứng nở thành “bà mụ xin cơm” sau đó từ “bà mụ xin cơm” lột xác ra cậu đấy. Việc học rất có ích, không học ngay cả nguồn gốc của mình cũng không biết thì nói chuyện gì khác.

Chuồn Chuồn nghe bác Đom Đóm nói vậy thì ân hận lắm. Nó thầm nghĩ: “Từ mai, buổi tối mình sẽ sang nhờ bác ấy dạy học cho mới được”.

(Theo Nguyễn Hoàng Liên)

1. Những nhân vật chính trong truyện là:

a. Chuồn Chuồn, bạn nhỏ

b. bác Đom Đóm, Chuồn Chuồn

c. bạn nhỏ, bác Đom Đóm

2. Chú Chuồn Chuồn trong câu chuyện trên thường làm gì?

a. chong đèn học đến tận khuya

b. kết giao bạn bè, tìm hiểu những điều mới lạ

c. bay lượn nhõn nhõn, rong chơi suốt ngày

3. Chủ ngữ trong câu “Nghe Chuồn Chuồn nói, bác Đom Đóm theo chân nó đến chỗ gốc cây.” là:

a. Chuồn Chuồn

b. bác Đom Đóm

c. gốc cây

4. Câu “Chuồn Chuồn ngạc nhiên.” thuộc kiểu câu kể nào?

a. Ai là gì?

b. Ai làm gì?

c. Ai thế nào?

c. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu em vừa đặt và cho biết câu đó thuộc kiểu câu kể nào?

a. Lan được mọi người yêu mến nhờ ngoại hình _____ của mình.

b. Dù đối mặt với nguy hiểm, chị Võ Thị Sáu vẫn _____, sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của nước nhà.

c. Nhờ trí _____ của mình, bác nông dân đã dạy cho con Cọp một bài học nhớ đời.

d. Anh ta là một kẻ _____, bỏ mặc bạn bè trong lúc khó khăn.

Bài 5. Viết một đoạn văn khoảng 7 câu tả một cây ăn quả mà em yêu thích.

Bài 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi:

Bàn được làm bằng gỗ tạp, chưa phải là gỗ tốt nhưng nhờ được đánh véc-ni nên nhìn bóng loáng, cùng màu nâu sẫm như ghế và giá sách.

Mặt bàn hình chữ nhật, chiều dài đúng một sải tay em, chiều rộng vừa đủ ba gang, hơi xuôi về phía em đặt ghế, tạo tư thế thoải mái khi em ngồi viết. Độ bóng của véc-ni càng làm nổi rõ những đường vân gỗ rất đẹp. Mép bàn phía trước có một đường rãnh dài, lõm xuống giúp em đựng bút, thước, tẩy... khỏi bị lăn xuống theo độ dốc của bàn. Bên dưới mặt bàn là một ngăn học khá rộng, em có thể kéo ra đóng vào dễ dàng khi nằm vào cái tay cầm bằng sắt. Trong ngăn học này, em đựng dụng cụ học môn kĩ thuật, bộ đồ dùng học toán, nhiều hộp phấn viết bảng trắng lẫn màu, thậm chí có cả mớ dây thun tết hình con rết, nằm sồi tròn để chơi ô ăn quan... Bốn chân bàn là những thanh gỗ vuông to và cứng cáp, các góc mép được bào nhẵn. Ba thanh gỗ dẹp hơn đóng thành hình chữ H ở chân bàn phía gần mặt đất giữ cho các chân bàn được vững vàng chắc chắn hơn.

Mỗi khi học xong, em thường thu dọn sách vở và các thứ trên mặt bàn cho gọn ghẽ rồi lau bàn bằng khăn vải mềm. Không bao giờ em lơ đãng hay cố ý viết, vẽ bậy lên mặt bàn. Vì vậy mà dùng đã nửa năm nhưng bàn vẫn còn mới.

Em yêu quý cái bàn này lắm bởi ngày nào nó cũng cùng em học tập miệt mài. Áp má lên mặt bàn, em cảm thấy mát lạnh như có ngọn gió nào thổi từ khu rừng xa xưa nơi cây gỗ này sinh sống. Em tưởng như nghe được lời gió thì thầm nhắc nhở: “Cô chủ ơi, gắng học lên! Chúng tôi tin tưởng nhiều ở cô đấy nhé!”.

(Sưu tầm)

a. Bài văn miêu tả đồ vật nào? _____

b. Xác định mở bài và kết bài trong bài văn trên.

Bài 2. Các mở bài dưới đây được viết theo cách nào?

a. "Vào đầu năm học mới, bố mua cho em một chiếc bàn học mới tinh, còn thơm nguyên mùi gỗ xoan đào."

b. “Em vẫn nhớ như in hình ảnh bố một ngày hè bốn năm trước. Mồ hôi đầm trán, bố mang về nhà một loạt gỗ, đinh, cửa, bào xin được ở một xưởng mộc. Em hỏi bố dùng chúng để làm gì, bố cười bảo: “Bí mật”. Thế rồi bố cửa, bố đục, bố đóng, bố bào. Dưới bàn tay bố, một chiếc bàn học xinh xắn hiện ra. Đó là món quà bố tặng em trong ngày đầu tiên đến lớp.”

Bài 3. Cho đề bài: “Tả chiếc bút em đang dùng để làm bài tập.”

a. Viết mở bài theo kiểu trực tiếp.

b. Viết kết bài theo kiểu mở rộng.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Nêu cảm nhận của em về mơ ước của bạn nhỏ trong đoạn thơ sau:

“Em mơ làm mây trắng	Em mơ làm nắng ấm
Bay khắp nẻo trời cao	Đánh thức bao mầm xanh
Nhìn non sông, gấm vóc	Vươn lên từ đất mới
Quê mình đẹp xiết bao!	Đem cơm no áo lành.”

(Trích “Em mơ” – Mai Thị Bích Ngọc)

ĐỀ LUYỆN (SỐ 2)

Bài 1. Gạch dưới từ viết sai chính tả rồi sửa lại:

- a. tranh trấp, chiến tranh, tranh giành, bức tranh _____
- b. xốn xang, xào xạc, xem xét, xú xở _____
- c. lấp lừng, nung nay, nồn nao, lằm lì _____
- d. run dấy, rộng rãi, dinh dưỡng, giận dữ _____

Bài 2. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi:

“(1) Hằng tháng, bác phu trạm lại vào nhà tôi đưa thư.

(2) Bác còn trẻ, rất hay cười. (3) Mặt đen như bồ hóng mà răng thì trắng nhớn. (4) Bác bước chân đất – đi bộ suốt hai ngày, hai bàn chân mồm trắng – mặc áo dài thâm, hai vai rách bươm. (5) Bên lưng đeo một túi vải xám xỉn, có quai vòng lên vai. (6) Mỗi lần vào đưa thư, chính bác ta lại ngồi xuống đầu phản bốc phong bì lấy thư, đọc cho cả nhà nghe. (7) Bác đọc liến láu, độn rất nhiều chữ i, a trong câu. (8) Đọc thư xong, bác uống nước, hút thuốc Lào sông sọc. (9) Bác ngồi nói hươu, nói vượn, pha trò cười một lúc rồi mới đeo túi đứng lên.

(10) Trước khi đi, bác kính cẩn chào cả nhà. (11) Bóng bác vừa lui ra ngõ, bên rổ tơ, chúng tôi đã cười khúc khích.”

(Theo Tô Hoài)

- a. Tìm các từ láy: _____
- b. Gạch dưới các động từ trong câu “Đọc thư xong, bác uống nước, hút thuốc Lào sông sọc.”
- c. Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong câu (4).

d. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

“(2) Bác còn trẻ, rất hay cười.”

“(10) Trước khi đi, bác kính cẩn chào cả nhà.”

Bài 3. Cho từ: “vạm vỡ”

- a. Em hiểu “vạm vỡ” là gì?

4. Cặp từ nào trong bài có nghĩa giống nhau?

- a. nặng – cứng b. bò – chui c. bảo vệ – che chở

5. Bài học mà Ốc Sên Mẹ đã dạy Ốc Sên Con ở cuối câu chuyện là gì?

Bài 2. Gạch dưới những câu khiến, khoanh tròn từ thể hiện sự cầu khiến trong các câu sau:

a. Chó Sói choàng dậy tóm được Sóc, định ăn thịt. Sóc bèn van xin:

– Xin ông thả cháu ra.

b. Nai Nhỏ xin phép cha được đi chơi xa cùng bạn. Cha Nai Nhỏ nói:

– Cha không ngăn cản con. Nhưng con hãy kể cho cha nghe về bạn của con.

c. Chuột con ra khỏi tổ dạo chơi. Nó tha thẩn khắp nơi rồi lại về với mẹ:

– Mẹ ơi, con nhìn thấy hai con thú. Một con dữ tợn còn con kia hiền khô.

Mẹ nó bảo:

– Con nói cho mẹ xem hai con thú ấy ra làm sao nào.

Bài 3. Cho câu kể: “Lan kể một câu chuyện cho mọi người nghe.”. Chuyển câu kể thành câu khiến theo yêu cầu dưới đây:

a. Thêm từ “hãy” hoặc “đừng”, “chớ”, “nên”

b. Thêm từ “lên” hoặc “đi”, “thời”, “nào”

c. Thêm từ “để nghị” hoặc “xin”, “mong”

Bài 4. Đặt câu khiến thích hợp với những tình huống sau:

a. Em đang làm bài nhưng bạn bên cạnh cứ nói chuyện. Hãy nhắc nhở bạn.

b. Có một bài tập khó, em nghĩ mãi chưa tìm được lời giải. Hãy nhờ anh/chị giúp đỡ.

PHIẾU CUỐI TUẦN 19

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Hôm đó, Ê-đi-xơn vừa đi ra ga thì mẹ ở nhà đau bụng dữ dội. Bố bạn đi làm. Khi chị Ta-ni-a về, mẹ thiếu thào bảo chị đi gọi em và mời bác sĩ.

Bác sĩ đến khám bệnh và cho biết: bà đang đau ruột thừa, phải mổ ngay, chờ đến sáng thì muộn quá. Nhưng trời cứ tối dần, mà dưới ánh sáng đèn dầu thì làm sao mổ được. Thấy bác sĩ lo lắng, Ê-đi-xơn hỏi ông:

– Thưa bác sĩ, nếu thắp tất cả đèn dầu lên để mổ thì có được không ạ?

– Không được, vì không đủ ánh sáng, mổ như thế nguy hiểm lắm.

Ê-đi-xơn ôm đầu suy nghĩ, niềm thương mẹ day dứt trong lòng. Đột nhiên, cậu bé nhìn thấy ánh đèn sáng chói phản chiếu từ mảnh sắt tây trên tủ. Một tia sáng loé lên trong đầu: “Sao không mượn tấm gương lớn ở hiệu tạp hoá về và cho phản chiếu thật nhiều ánh đèn để sáng hơn?”. Thế là cậu liền chạy đi mượn ngay tấm gương lớn. Lát sau, tất cả đèn dầu trong nhà được thắp sáng và đặt trước gương. Xong xuôi, cậu sang phòng bên, gặp bác sĩ và tự hào nói:

– Thưa bác sĩ, đã có đủ ánh sáng rồi ạ! Mời bác sĩ sang xem.

Bác sĩ sang phòng bên nhìn ánh đèn, nét mặt ông rạng rỡ hẳn lên:

– Cháu làm thế nào mà tài thế, hỡi cậu bé thông minh! Bác sẽ bắt đầu ngay!

Rạng sáng thì mổ xong. Bà mẹ thoát khỏi tay thần chết. Ê-đi-xơn cứu được mẹ nhờ sáng kiến của mình.”

(“Ê-đi-xơn và bà mẹ” – Theo cuốn Ê-đi-xơn – NXB Kim Đồng, 1977)

1. Câu chuyện có những nhân vật nào?

a. Ê-đi-xơn, bác sĩ, bố Ê-đi-xơn, mẹ Ê-đi-xơn

b. Ê-đi-xơn, chị Ta-ni-a, bố Ê-đi-xơn, mẹ Ê-đi-xơn

c. Ê-đi-xơn, chị Ta-ni-a, bác sĩ, bố và mẹ Ê-đi-xơn

2. Bà mẹ trong câu chuyện rơi vào tình trạng nguy hiểm ra sao?

a. đau bụng dữ dội, phải có bác sĩ đến khám

b. đau ruột thừa, phải mổ ngay mới cứu được

c. đau ruột thừa, phải tới bệnh viện

3. Ê-đi-xơn đã nghĩ ra sáng kiến gì để giúp bác sĩ cứu sống mẹ?

- tập trung tất cả đèn dầu trong nhà rồi thắp lên, đủ ánh sáng để mổ
- mượn nhiều mảnh sắt tây phản chiếu ánh đèn, đủ ánh sáng để mổ
- mượn tấm gương lớn phản chiếu nhiều ánh đèn, đủ ánh sáng để mổ

4. Qua câu chuyện trên, em thấy Ê-đi-xơn là một người như thế nào?

Bài 2. Nối chủ ngữ ở cột A với vị ngữ thích hợp ở cột B để tạo câu:

A	B
1. Các bạn học sinh	a. hót líu lo như muốn tham gia vào cuộc vui của chúng em.
2. Bàn tay mềm mại của Tấm	b. rắc đều những hạt cơm quanh cá bống.
3. Các cụ già	c. tung tăng đến trường.
4. Những chú chim	d. chụm đầu bên những chén rượu cần.

Bài 3. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ, vị ngữ của các câu trong đoạn sau:

“Trần Quốc Toàn dẫn chú đến chỗ tập bắn, rồi đeo cung tên, nhảy lên ngựa, chạy ra xa. Quốc Toàn nhìn thẳng hồng tâm, giương cung lắp tên, bắn luôn ba phát đều trúng cả. Mọi người reo hò khen ngợi. Người tướng già cũng cười, nở nang mày mặt. Chiêu Thành Vương gật đầu.”

(Theo Nguyễn Huy Tưởng)

Bài 4. Viết mở bài gián tiếp cho đề văn: Miêu tả một đồ dùng học tập của em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 27

Bài 1. Đọc đoạn trích và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Một ngày mùa xuân ấm áp, hai mẹ con Ốc Sên cùng nhau đi dạo trong vườn. Nắng ấm chiếu tỏa nơi nơi, khí trời âm ỉ làm hai mẹ con Ốc Sên thấy thật sáng khoái. Bỗng nhiên, Ốc Sên Con hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra đã phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng như đá trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!
- Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh. – Ốc Sên Mẹ nói.
- Chị Sâu Róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?
- Vì chị Sâu Róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy.
- Nhưng em Giun Đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hóa được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?
- Vì em Giun Đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy.

Ốc Sên Con bật khóc nói: “Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta”.

– Vì vậy mà chúng ta có cái bình! – Ốc Sên Mẹ an ủi con. – Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta.”

(“Câu chuyện về con Ốc Sên” – Theo internet)

1. Ốc Sên Con thắc mắc với mẹ điều gì?

- Vi sao trời xuân đẹp thế mà chỉ có hai mẹ con Ốc Sên đi dạo?
- Vi sao Giun Đất không biến hóa được như Sâu Róm?
- Vi sao loài Ốc Sên lại phải mang trên mình một cái bình?

2. Cái bình mà Ốc Sên Con nhắc đến trong câu chuyện trên là gì?

- Đó là cái bình đựng sữa của Ốc Sên Con.
- Đó là cái vỏ của loài Ốc Sên.
- Đó là hòn đá nơi mẹ con Ốc Sên hay bò đến.

3. Vì sao đang nói chuyện với mẹ, Ốc Sên lại bật khóc?

- Vi Ốc Sên Con bị bắt phải mang cái bình vừa nặng, vừa xấu trên lưng.
- Vi Ốc Sên Con thấy tủi thân khi nghĩ là cả trời và đất đều không muốn che chở, bảo vệ loài Ốc Sên.
- Vi cả chị Sâu Róm và em Giun Đất đều không muốn chơi với Ốc Sên Con.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trong bài “Chiếc xe lu”, nhà thơ Trần Nguyên Đào có viết:

“Tớ là chiếc xe lu	Trời nóng như lửa thiêu
Người tớ to lù lù	Tớ vẫn lăn đều đều
Con đường nào mới đắp	Trời lạnh như ướp đá
Tớ san bằng tấm tắc	Tớ càng lăn vội vã.”
Con đường nào rải nhựa	
Tớ là phẳng như lụa	

Qua hình ảnh chiếc xe lu, tác giả ca ngợi những phẩm chất gì đáng quý?

TUẦN 20: NGƯỜI TA LÀ HOA ĐẤT**TẬP ĐỌC**

“Bốn anh tài” (Truyện cổ dân tộc Tày)

“Trống đồng Đông Sơn” (Theo Nguyễn Văn Huyền)

CHÍNH TẢ

Phân biệt tr/ch, uôt/uộc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Luyện tập câu kể “Ai làm gì?”

Mở rộng vốn từ: “Sức khỏe”

Luyện tập câu kể “Ai làm gì?”

Bài 1. Gạch dưới các câu kể “Ai làm gì?” trong đoạn văn sau:

“Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không tưởng được. Ngày hội mùa xuân đấy!”

(Theo Vũ Tú Nam)

Bài 2. Nối chủ ngữ với vị ngữ thích hợp để tạo thành câu hoàn chỉnh:

Chủ ngữ	Vị ngữ
1. Đàn em nhỏ	a. nắm tay nhau rào bước đến trường.
2. Cô gà mái hoa mơ	b. đã chế tạo thành công chiếc xe điện đầu tiên trên thế giới.
3. Cá chuối mẹ	c. bơi quanh nhìn đàn con đớp mồi.
4. Ê-đi-xơn	d. đang ôm đàn con bé nhỏ bên gốc chanh.

Bài 3. Xác định thành phần chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

- “Cụ già cho mỗi đứa trẻ một nắm hạt giống.”
- “Những em bé Hmông, những em bé Tu Dí, Phù Lá, cổ đeo móng hổ, quần áo sặc sỡ đang chơi đùa trước cửa hàng.”
- “Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui.”

Bài 4. Đọc đoạn văn sau:

(1) “Có lần, một thủy thủ rời tàu đi dạo. (2) Trên đường trở về, thấy một con gấu trắng đang xông tới, anh khiếp đảm bỏ chạy. (3) Gấu đuổi theo. (4) Sực nhớ là con vật này có tính tò mò, anh ném lại cái mũ. (5) Thấy mũ, gấu dừng lại, đánh hơi, lật qua lật lại chiếc mũ. (6) Xong, nó lại đuổi. (7) Anh thủy thủ vút tiếp găng tay, khăn, áo choàng,... (8) Mỗi lần như vậy, gấu đều dừng lại, tò mò xem xét.”

(Theo Lê Quang Long, Nguyễn Thị Thanh Huyền)

a. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ và vị ngữ của các câu (1), (3), (6), (7) trong đoạn văn trên.

b. Vị ngữ của các câu đó trả lời cho câu hỏi nào? _____

Bài 5. Đặt câu kể “Ai làm gì?” với mỗi yêu cầu sau:

a. có vị ngữ là động từ

b. có vị ngữ là cụm động từ

c. có chủ ngữ là đồ vật hay cây cối được nhân hóa

Mở rộng vốn từ: “Sức khỏe”**Bài 1.** Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “vạm vỡ”?

- a. có sức khỏe phi thường
- b. có thân hình to lớn, nở nang, rắn chắc, trông rất khỏe mạnh
- c. to béo, đầy đà
- d. chỉ những vận động viên thể hình

Bài 2. Tìm các từ cùng nghĩa và trái nghĩa với từ “khỏe”:

- a. Từ đồng nghĩa: _____
- b. Từ trái nghĩa: _____

Bài 5. Chuyển câu kể “Nam về.” thành câu khiến, theo các cách sau:

a. Thêm một trong các từ “đừng”, “chớ”, “nên”, “phải” vào trước động từ

b. Thêm một trong các từ “đi”, “thôi”, “nào” vào sau động từ

c. Thêm từ “để nghị” vào trước chủ ngữ

TẬP LÀM VĂN

Miêu tả cây cối (Kiểm tra viết)

Dựa vào đoạn thơ sau của Trần Đăng Khoa, hãy viết đoạn văn khoảng 7 câu miêu tả cây dừa:

“Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu,
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.
Thân dừa bạc phéch thẳng năm,
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.
Đêm hè hoa nở cùng sao,
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.”

b. “Cá Sấu đang nằm thoi thóp trên đường tường như sắp chết khô đến nơi mất! Trông thấy bác nông dân kéo một chiếc xe chở đồ đi tới, Cá Sấu liền giả bộ khóc lóc van xin:

– Ông hãy làm phúc chở giùm con đến chỗ đầm sâu ở bên kia núi.”

(Theo “Truyện cổ Lào”)

c. “Vừa nói, Cuội vừa chỉ đàn vịt trời giữa hồ. Thấy đàn vịt đông như kiến cỏ, con vồ cánh, con ngụp đầu bơi lội, máu tham nổi lên, lão quan lang gạ Cuội:

– Anh bán đàn vịt kia cho tôi!”

(Theo “Truyện dân gian Mường”)

Bài 2. Điền các từ thích hợp biểu thị ý cầu khiến vào chỗ trống:

- a. “Nói lời phải giữ lấy lời
_____ như con bướm đậu rồi lại bay.”
- b. “Con muốn chạy thật xa
Thì tập cho vững bước
Cố lên! Một, hai, ba!
_____ nhìn về phía trước.”

Bài 3. Chuyển mỗi câu kể sau thành câu khiến:

a. “Bà đi chợ.”

b. “Nam học bài.”

c. “Em bé đi chơi.”

Bài 4. Đặt câu khiến thích hợp với mỗi tình huống sau:

a. Em mượn bạn một cuốn truyện.

b. Em nhờ chị lấy hộ cốc nước.

c. Lớp trưởng muốn ổn định trật tự lớp.

Bài 3. Xếp các từ ngữ sau vào hai nhóm:

rắn rỏi, tập luyện, an dưỡng, đi bộ, chắc nịch, nhảy dây, chơi thể thao,

nhẹ nhàng, dẻo dai, cân đối, tập thể dục

a. Những từ ngữ chỉ hoạt động có lợi cho sức khỏe:

b. Những từ ngữ chỉ đặc điểm của một cơ thể khỏe mạnh:

Bài 4. Thành ngữ “Chân yếu tay mềm” có nghĩa là “yếu ớt, mảnh mai, không thích hợp với công việc nặng nhọc”. Đặt một câu với thành ngữ này.

Bài 5. Tìm các thành ngữ trái nghĩa với mỗi thành ngữ sau:

- a. “Yếu như sên”: _____
- b. “Chậm như rùa”: _____
- c. “Mềm như bún”: _____

TẬP LÀM VĂN Miêu tả đồ vật (Kiểm tra viết)

Luyện tập giới thiệu địa phương

Bài 1. Đọc bài văn sau:

“Ở lễ hội đền Hả, xã Hồng Giang (Lục Ngạn – Bắc Giang), từ lâu trò chơi đu đã trở thành nét văn hóa không thể thiếu. Hội đền Hả diễn ra trong ba ngày là mùng 8, 9, 10 tháng Giêng (âm lịch) hằng năm. Ngay từ những ngày cận Tết, thôn đã mời những người cao tuổi có kinh nghiệm làm đu, đi tìm những cây tre già, đẹp, thẳng nhất để làm vật liệu dựng cây đu.

Giàn đu gồm bốn cây tre lớn tạo thành hai trụ, bàn đu và thượng đu. Chơi đu có đu đơn và đu đôi, song hấp dẫn hơn cả là phần chơi đôi nam nữ. Hai người quay mặt vào nhau, dùng tay vịn thân đu, dùng sức từ đôi chân đẩy cho bay cao. Trên mỗi cây đu gắn một chiếc khăn đỏ hoặc phần thưởng, người tham gia giật được chiếc khăn hay phần thưởng đó mới được xem là thắng cuộc. Khi hồi trống gióng lên rộn rã, người xem ở khắp làng trên xóm dưới đổ dồn về cuộc chơi, vòng trong vòng ngoài khép kín.

Chơi đu đã trở thành nét đẹp văn hóa không thể thiếu trong những ngày Tết, nhất là tại những lễ hội xuân.”

(Theo Minh Thu – Đỗ Quyền)

a. Bài văn trên giới thiệu trò chơi đu của địa phương nào?

b. Dùng khoảng 3 câu giới thiệu tóm tắt về trò chơi đu.

Bài 2. Viết một đoạn văn khoảng 7 câu kể về một trò chơi hoặc một lễ hội mà em biết.

TUẦN 27: NHỮNG NGƯỜI QUẢ CẢM

TẬP ĐỌC

“Dù sao trái đất vẫn quay!”

“Con sẽ” (Theo Tuốc-ghê-nhép)

CHÍNH TẢ

Phân biệt s/x, dấu hỏi / dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu khiến. Cách đặt câu khiến

I. Kiến thức

1. Khái niệm

Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,... của người nói, người viết với người khác.

Ví dụ: “Cậu nhớ đến đúng giờ đấy nhé!”.

2. Dấu hiệu nhận biết

- Từ ngữ: thường có các từ “hãy”, “đừng”, “chớ”...
- Câu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm.

Ví dụ:

- “Thông đi bơi thuyền với tớ đi!”
- “Con đi chặt đủ một trăm đốt tre, mang về đây cho ta.”

3. Cách đặt câu khiến

- Thêm từ “hãy” hoặc “đừng”, “chớ”, “nên”, “phải”,... vào trước động từ;
- Thêm từ “đề nghị” hoặc “xin”, “mong”,... vào đầu câu;
- Thêm từ “lên” hoặc “đi”, “thôi”, “nào”,... vào cuối câu;
- Khi nói, dùng giọng điệu phù hợp với câu khiến.

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới câu khiến trong những đoạn trích sau:

a. “Vừa nói bác vừa cúi xuống vơ một nắm mạ trên bờ ruộng. Bác nhìn các xã viên, cười cười mở:

- Nào, ai cấy nhanh nhất xin mời đến đây cấy thi với tôi nào!”

(Theo Nguyễn Hoài Giang)

4. Vì sao giặc Pháp phải lén lút đem chị đi thủ tiêu?

- a. Vì sợ bị phục kích.
- b. Vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối.
- c. Vì sợ người dân phản đối.

5. Qua bài đọc, em thấy chị Võ Thị Sáu là người như thế nào?

Bài 2. Khoanh vào chữ cái đứng trước các câu kể "Ai là gì?" trong những câu sau:

- a. "Chiếc bàn là này dùng rất tiện."
- b. "Đó là món quà đặc biệt nhất đối với tôi."
- c. "Không cất cao mình lên được, nó chỉ đủ sức bay là là mặt nước."
- d. "Động Phong Nha là đệ nhất kỳ quan của tạo hóa."
- e. "Men-đê-lê-ép là nhà khoa học, nhà giáo dục và nhà công nghệ vĩ đại."

Bài 3. Giải nghĩa và đặt câu với thành ngữ: "Gan vàng dạ sắt".

Bài 4. Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả cây quất vào dịp Tết đến, xuân về.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trong bài "Tre Việt Nam", nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

"Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?
Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít, chất dẻo lâu hóa nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù."

Nêu cảm nhận của em về hình ảnh cây tre và những phẩm chất đáng quý được gợi lên trong đoạn thơ trên.

PHIẾU CUỐI TUẦN 26

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Vào năm mười hai tuổi, Sáu đã theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng. Mỗi lần được các anh giao nhiệm vụ gì, Sáu đều hoàn thành tốt. Một hôm, Sáu mang lựu đạn phục kích giết tên cai Tòng, một tên Việt gian bán nước ngay tại xã nhà. Lần đó, Sáu bị giặc bắt. Sau gần ba năm tra tấn, giam cầm, giặc Pháp đưa chị ra giam ở Côn Đảo.

Trong ngục giam, chị vẫn lạc quan, vui tươi, tin tưởng vào ngày chiến thắng của đất nước. Bọn giặc Pháp đã lén lút đem chị đi thủ tiêu, vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối. Trên đường ra pháp trường, chị đã ngắt một bông hoa còn ướt đẫm sương đêm cài lên tóc. Bọn chúng kinh ngạc vì thấy một người trước lúc hi sinh lại bình tĩnh đến thế. Tới bãi đất, chị gỡ bông hoa từ mái tóc của mình tặng cho người lính Âu Phi. Chị đi tới cột trói: mỉm cười, chị nhìn trời xanh bao la và chị cất cao giọng hát.

Lúc một tên lính bảo chị quỳ xuống, chị đã quất vào mặt chúng: "Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ."

(“Câu chuyện về chi Võ Thị Sáu” – Trích “Cẩm nang đôi viên”)

1. Chi Sáu tham gia hoạt động cách mạng từ năm bao nhiêu tuổi?

- a. mười lăm tuổi b. mười ba tuổi c. mười hai tuổi
- 2. Chị Sáu bị giặc Pháp bắt giữ trong hoàn cảnh nào?**
- a. trong lúc chị đi theo anh trai
- b. trong lúc chị đang đi theo dõi bọn giặc
- c. trong lúc chị mang lựu đạn phục kích giết tên cai Tòng
- 3. Khi bị giam trong ngục, thái độ của chị Sáu thế nào?**
- a. lạc quan, yêu đời, tin tưởng vào ngày chiến thắng của đất nước
- b. nổi loạn, quyết liệt phản đối giặc Pháp
- c. lo lắng, sợ hãi, khiếm nhục trước kẻ thù

Bài 2. Viết kết bài theo hai cách (mở rộng và không mở rộng) cho bài văn: “Tả một cây hoa em yêu”.

Trong bài "Tiếng hát con tàu", nhà thơ Chế Lan Viên có viết:

Đọc những câu thơ trên, em thấy hình ảnh chú bé liên lạc có những điểm gì đáng yêu, đáng quý?

“(1) Gà Mẹ đi kiếm mồi. (2) Gà Con ngủ dậy, đi chơi lang thang. (3) Lốp Gà Con chuẩn bị đi cắm trại. (4) Vịt Xám chuyển giấy thông báo cho Gà Con. (5) Gà Con cầm tờ giấy, xoay ngược, xoay xuôi, chẳng hiểu gì.”

(Sưu tầm)

– Các câu có chủ ngữ là danh từ: _____

– Các câu có chủ ngữ là cụm danh từ: _____

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một chiếc đồng hồ.

TUẦN 21: NGƯỜI TA LÀ HOA ĐẤT

TẬP ĐỌC

"Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa"

"Bè xuôi sông La" (Vũ Duy Thông)

CHÍNH TẢ

Phân biệt r/d/gi, dấu hỏi/dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu kể "Ai thế nào?"

Vị ngữ trong câu kể "Ai thế nào?"

I. Kiến thức

1. Câu kể "Ai thế nào?"

Câu kể "Ai thế nào?" gồm hai bộ phận:

- Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: "Ai (cái gì, con gì)?"
- Vị ngữ trả lời cho câu hỏi: "Thế nào?"

2. Vị ngữ trong câu kể "Ai thế nào?"

- Vị ngữ trong câu kể "Ai thế nào?" nêu lên đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật.

- Cấu tạo: Vị ngữ thường do tính từ (hoặc cụm tính từ) tạo thành.

Ví dụ:

- Những búp măng non / chi chít.

CN VN (vị ngữ là tính từ)

- Hồ / rộng mênh mông như một tấm gương khổng lồ.

CN VN (vị ngữ là cụm tính từ)

II. Bài tập

Bài 1. Đọc đoạn văn sau:

"(1) Trên cành lộc vùng đầy hoa đỏ, Sẻ Nâu ngập ngừng nửa muốn bay lên, nửa muốn đậu lại. (2) Hoa đẹp quá. (3) Từng chùm đỏ vương dài như dải lụa buông từ trên ngọn cây xuống. (4) Thi thoảng, một vài cánh hoa rụng xuống nền đất như những viên bi, lẩn lẩn theo chiều gió. (5) Giá mà có Chích Chòe ở đây, Sẻ Nâu sẽ rủ Chích Chòe chơi trò trốn tìm quanh mấy dây hoa, sẽ vui phải biết."

(Thảo Nam)

Bài 2. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: "dũng cảm", "dũng sĩ", "dũng mãnh", "dũng khí", "dũng tướng".

a. _____ của người cách mạng

b. lòng _____

c. _____ diệt xe tăng

d. những _____ của nhà Trần

Bài 3. Gạch dưới những thành ngữ, tục ngữ không nói về lòng dũng cảm:

Gan vàng dạ sắt; Đồng sức đồng lòng; Yêu nước thương nòi; Thức khuya dậy sớm;

Một nắng hai sương; Vào sinh ra tử; Máu chảy ruột mềm;

Môi hở răng lạnh; Lên thác xuống ghềnh

Bài 4. Thành ngữ "Vào sinh ra tử" có nghĩa là "xông pha nơi nguy hiểm, nơi chiến trường ác liệt". Đặt câu với thành ngữ đó.

TẬP LÀM VĂN

Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả cây cối

Luyện tập miêu tả cây cối

Bài 1. Đọc các đoạn kết bài sau và cho biết đó là kết bài mở rộng hay không mở rộng:

a. "Thế nào rồi cũng đến ngày em phải rời xa mái trường tiểu học. Lúc đó, nhất định em sẽ đến tạm biệt gốc phượng già. Em sẽ nói không bao giờ quên phượng già, quên những kỉ niệm dưới gốc cây, học sinh chúng em đã cùng nhau ôn bài, ngồi hóng mát, chơi đùa, trò chuyện. Em sẽ hứa trở lại thăm cây phượng, thăm người bạn của thời thơ ấu."

b. "Em rất thích cây cam này vì cây chẳng những cho hoa thơm, quả ngọt mà còn tăng thêm vẻ đẹp của khu vườn nhà em."

Bài 4. Đặt câu kể “Ai là gì?” với mỗi yêu cầu sau:

a. có từ “sách vở” làm chủ ngữ

b. vị ngữ có từ “chăm sóc”

c. nói về một trò chơi mà em yêu thích

d. nhận xét về một bộ phim mà em đã từng xem

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 7 câu nói về một người bạn mà em yêu quý, trong đó có sử dụng các câu kể “Ai là gì?” để giới thiệu và nêu nhận định về người đó.

Mở rộng vốn từ: “Dũng cảm”

Bài 1. Nối các từ với ô chữ ở giữa sao cho phù hợp:

đớn hèn

quả cảm

táo bạo

từ cùng nghĩa với từ “dũng cảm”

nhút nhát

gan lì

khiếp nhược

gan dạ

từ trái nghĩa với từ “dũng cảm”

can trường

hèn mạt

bạo gan

a. Các câu kể “Ai thế nào?” trong đoạn văn trên là: _____

b. Gạch dưới vị ngữ của các câu kể “Ai thế nào?” vừa tìm được.

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong những câu sau:

a. “Trong vườn, cây cối xanh mướt.”

b. “Me em hiền từ và rất chu đáo.”

c. “Khí hậu Đà Lạt ôn hòa, dịu mát quanh năm.”

Bài 3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo các câu kể “Ai thế nào?”:

a. Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí _____

b. Cô giáo em _____

c. Những chú gà con lông vàng _____

Bài 4. Gạch dưới vị ngữ trong các câu sau và cho biết cấu tạo của vị ngữ:

a. “Ngoài đường, lửa khói mịt mù.”

b. “Cánh diều mềm mại như cánh bướm.”

c. “Ở Trường Sơn, mỗi khi trời nổi gió, cảnh tượng thật là dữ dội.”

d. “Lá phượng ngon lành như lá me non.”

Bài 5. Đặt câu “Ai thế nào?” với mỗi yêu cầu sau:

a. nói về một người bạn thân

b. có từ “mùa xuân”

TẬP LÀM VĂN Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối**I. Kiến thức**

Bài văn miêu tả cây cối thường có ba phần:

1. Mở bài: Giới thiệu về cây.
2. Thân bài: Tả bao quát, tả từng bộ phận hoặc tả từng thời kì phát triển của cây. Nêu lợi ích của cây.
3. Kết bài: Ấn tượng đặc biệt hoặc tình cảm đối với cây được tả.

II. Bài tập

Bài 1. Đọc bài văn sau:

"Tôi lớn lên đã thấy nhà ngoại có vườn cau. Men theo lối vào nhà cũng là hàng cau thẳng tắp, cao chót vót như vươn mình hứng lấy trời xanh.

Lá cau xanh mượt mà như tóc thể của cô gái miệt vườn. Hoa cau trắng như bột sóng ngoài sông. Hương cau bay ngan ngát quanh nhà. Mùa cau chín, người buôn cau trèo lên bẻ từng quả cau sai nặng trĩu tay người.

Vườn cau nhà ngoại có đủ loại như cau ớt, cau tằm vung,... Mỗi khi có đám cưới, người ta đặt cau của ngoại tôi làm sình lễ. Có người nói đùa rằng cau vườn nhà ngoại tôi là cau duyên, cau nợ. Ai dựng vợ mà có mâm cau ở vườn này đều hạnh phúc, con cháu đầy đàn, ăn nên, làm ra.

Mo cau rụng, ngoại lấy vót làm chổi, làm mo, làm quạt treo ở vách hay sử dụng khi vào mùa nắng. Mo cau nhiều khi treo ngoài vườn để làm củi khi cần. Tôi hay lấy mo cau làm xe kéo chở anh tôi chạy khắp vườn. Cau già lấy thân làm nhà, bắc cầu qua kênh mương.

Tôi vào đại học. Ngoại không còn nữa. Mỗi lần về quê, ra vườn, hoa cau rụng trắng bên mộ ngoại, hương bay ngan ngát."

(Theo Trần Duy Khang)

- a. Xác định mở bài, thân bài, kết bài trong bài văn trên và nêu nội dung chính từng phần.

TUẦN 26: NHỮNG NGƯỜI QUẢ CẢM**TẬP ĐỌC**

"Thắng biển" (Theo Chu Văn)

"Ga-vrốt ngoài chiến lũy" (Theo Huy-gô)

CHÍNH TẢ

Phân biệt l/n, in/inh

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Luyện tập câu kể "Ai là gì?"

Mở rộng vốn từ: "Dũng cảm"

Luyện tập câu kể "Ai là gì?"

Bài 1. Gạch dưới câu kể "Ai là gì?" và nêu tác dụng của mỗi câu (dùng để giới thiệu hay nêu nhận định về sự vật):

- a. "Cò và Vạc là hai anh em. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, được thầy yêu bạn mến. Còn Vạc thì lười biếng, không chịu học hành, suốt ngày chỉ rúc đầu trong cánh mà ngủ."

Tác dụng: _____

- b. "Trong đại dịch, các y bác sĩ là những người hùng thầm lặng. Họ đã xung phong vào tuyến đầu chống dịch bệnh."

Tác dụng: _____

Bài 2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

- "Quốc Tử Giám là trường đại học đầu tiên của đất nước ta."
- "Châu Á là châu lục lớn nhất và đông dân nhất trên thế giới."
- "Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên của thế giới với hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ."
- "Người đầu tiên sáng chế ra chiếc lốp xe bằng cao su là Đan-lốp."

Bài 3. Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành câu kể "Ai là gì?":

- Ngôi nhà _____
- Trường em _____
- _____ là thần tượng được nhiều người ngưỡng mộ.
- _____ là mùa em yêu thích nhất.

4. Sự hi sinh của anh Kim Đồng đã gợi cho em suy nghĩ gì?

a. Đó là một hành động đại dật.

b. Đó là một hành động vô cùng dũng cảm, đáng khâm phục và tự hào.

c. Đó là một hành động vô kỉ luật, tự phát khi chưa có sự cho phép của cấp trên.

5. Qua câu chuyện, em thấy mình cần làm gì để xứng đáng trở thành đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh?

Bài 2. “Dũng khí” là từ chỉ sức mạnh tinh thần trên hân mức bình thường, dám đương đầu với mọi kẻ thù, mọi khó khăn, nguy hiểm. Đặt câu với từ “dũng khí”.

Bài 3. Gạch dưới chủ ngữ của từng câu kể “Ai là gì?” trong các đoạn thơ sau:

a. “Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim.”

(Tố Hữu)

b. “Quê hương tôi có con sông xanh biếc

Nước gương trong soi tóc những hàng tre

Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè

Tỏa nắng xuống dòng sông lấp loáng.”

(Tế Hanh)

Bài 4. Viết mở bài gián tiếp cho bài văn miêu tả một loài hoa đặc trưng của ngày Tết.

b. Xác định trình tự miêu tả trong bài văn trên.

Bài 2. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn: “Tả một cây hoa mà em yêu thích.”

CẢM THỤ VĂN HỌC

Đọc đoạn thơ sau:

“Sông La ơi, sông La

Trong veo như ánh mắt

Bờ tre xanh im mát

Mươn mướt đôi hàng mi.”

(Trích “Bè xuôi sông La” – Vũ Duy Thông)

a. Đoạn thơ trên sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra từ ngữ thể hiện từng biện pháp đó.

b. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của dòng sông trong đoạn thơ trên.

PHIẾU CUỐI TUẦN 25

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền, người đội trưởng đầu tiên của Đội Thiếu niên Tiền phong. Anh sinh năm 1928, người dân tộc Nùng, ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Nhà Kim Đồng rất nghèo. Cha bị chết vì nạn phu phen lao dịch của thực dân Pháp. Anh trai tham gia cách mạng và mất khi còn rất trẻ. Ở nhà chỉ có người mẹ bị tàn tật và người em họ mồ côi là Cao Sơn.

Từ bé, Kim Đồng đã có tinh thần yêu nước, căm ghét giặc Pháp. Vùng quê hương Kim Đồng là nơi có phong trào cách mạng rất sớm. Ngày 15 tháng 5 năm 1941, Đội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập có 5 đội viên và Kim Đồng được bầu là đội trưởng đầu tiên của Đội. Trong công tác, Kim Đồng luôn tỏ ra dũng cảm và mưu trí.

Một lần, sau khi làm nhiệm vụ dẫn cán bộ vào căn cứ, Kim Đồng đang trên đường trở về nhà thì nghe có tiếng động lạ ở trong rừng. Kim Đồng liền rủ Cao Sơn tìm cách báo động cho các anh cán bộ đang ở trong xóm biết. Sau khi quan sát, Kim Đồng đã nhìn thấy bọn lính đang lợi dụng sương mù phục kích trên đường vào xóm và im lặng đợi bắt người. Kim Đồng bảo Cao Sơn lùi về phía sau, chạy về báo cáo. Đợi cho bọn đi rồi, Kim Đồng ngấm kĩ địa hình để chạy vọt qua suối lên phía rừng. Như vậy, bọn lính sẽ phải nổ súng hoặc kêu lên. Chúng nó sẽ bị lộ. Quả nhiên, thấy có bóng người chạy, bọn giặc lên đạn và hô: “Đứng lại!”.

Kim Đồng không dừng chân. Giặc bắn theo. Anh Kim Đồng đã bị trúng đạn và anh dũng hi sinh. Hôm ấy là sáng sớm ngày 15 tháng 2 năm 1943.”

(Theo Báo Thiếu niên Tiền phong)

1. Hoàn cảnh gia đình anh Kim Đồng thế nào?

- Gia đình anh có truyền thống cách mạng, bố và anh trai đều tham gia kháng chiến.
- Gia đình anh rất giàu có, hết lòng ủng hộ cách mạng.
- Gia đình anh rất nghèo khó, cha mất, anh trai tham gia cách mạng và mất khi còn trẻ, mẹ bị tàn tật.

2. Ngay từ nhỏ, anh Kim Đồng là người như thế nào?

- ngoan ngoãn và hiếu thuận với cha mẹ
- học rất giỏi và chăm chỉ làm việc nhà
- có tinh thần yêu nước, căm thù giặc và luôn tỏ ra rất dũng cảm, mưu trí

3. Khi phát hiện thấy bọn lính lợi dụng sương mù phục kích, Kim Đồng đã làm gì?

- cùng Cao Sơn quay về báo cho các anh bộ đội biết
- ở lại để đánh lạc hướng bọn lính
- tiếp tục đi làm nhiệm vụ khác

giậu mừng tới thân đầy mềm mại, lá xanh bóng, mỡ màng suốt bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.”

Mở bài theo kiểu: _____

Bài 2. Viết mở bài theo cách gián tiếp cho bài văn tả cây phượng vào mùa hè.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Trong bài “Dừa ơi”, nhà thơ Lê Anh Xuân có viết:

“Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút

Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng

Rễ dừa bám sâu vào lòng đất

Như dân làng bám chặt quê hương.”

a. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ trên. Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

b. Em có cảm nhận gì về hình ảnh cây dừa trong đoạn thơ trên?

PHIẾU CUỐI TUẦN 21

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Trong quãng thời gian lái xe chín dặm đường đến nhà Mat-tho, tên cậu học sinh ấy, tôi đã biết được đôi điều về cậu. Cậu bị mắc bệnh teo cơ. Khi mới chào đời, các bác sĩ đã cho cha mẹ cậu biết rằng cậu sẽ không sống được đến 5 tuổi. Giờ cậu bé đã 13 tuổi. Cậu muốn gặp tôi vì tôi là một lực sĩ cử tạ đạt huy chương vàng, tôi biết cách vượt qua chướng ngại khó khăn, điều mà bao người mơ ước.

Tôi trò chuyện với Mat-tho hơn một tiếng đồng hồ, cậu không hề than thở về cảnh ngộ của mình. Cậu toàn nói về chiến thắng, sự thành công và việc thực hiện những giấc mơ của mình. Cậu không đề cập gì đến việc các bạn cùng lớp đã chế giễu vì sự khác biệt của cậu; cậu chỉ nói về những hi vọng và mong rằng một ngày nào đó, cậu muốn cử tạ cùng với tôi.

Khi chia tay cậu bé, tôi lấy trong cặp mình chiếc huy chương vàng đầu tiên mà tôi giành được trong môn cử tạ rồi đeo vào cổ cậu bé. Tôi bảo cậu rằng cậu còn hơn cả một người chiến thắng và cậu hiểu về sự thành công cũng như biết cách vượt qua mọi trở ngại còn hơn cả tôi nữa.”

(“Tấm huy chương vàng” – Theo “Hạt giống tâm hồn”)

1. Nội dung chính của câu chuyện trên là gì?

- a. quãng đường đến nhà cậu bé Mat-tho của lực sĩ cử tạ
- b. nghị lực và khát vọng vượt trở ngại của cậu bé mắc bệnh teo cơ
- c. tấm huy chương vàng của lực sĩ cử tạ tặng cậu bé Mat-tho

2. Tại sao cậu bé muốn gặp lực sĩ cử tạ đã giành huy chương vàng?

- a. Cậu muốn trở thành một lực sĩ cử tạ.
- b. Cậu muốn học tập cách vượt trở ngại để giành chiến thắng.
- c. Cậu muốn được lực sĩ cử tạ tặng lại chiếc huy chương vàng.

3. Cậu bé đã nói những điều gì với lực sĩ cử tạ?

- a. chiến thắng, sự thành công, việc thực hiện những giấc mơ và mong được cử tạ
- b. mong muốn sẽ đạt huy chương vàng như lực sĩ cử tạ
- c. than thở về cảnh ngộ và sự chế giễu của các bạn cùng lớp

4. Theo lực sĩ cử tạ, cậu bé Mat-tho là người như thế nào?

- a. tự ti vì thường bị các bạn chế giễu
- b. hơn cả người chiến thắng, biết vượt trở ngại để thành công
- c. thường than thở về cảnh ngộ của mình

Bài 2. Thêm từ ngữ thích hợp để tạo các câu miêu tả chú gà trống:

a. Đầu chú _____

b. Đôi mắt chú _____

c. Tiếng gáy của chú _____

Bài 3. Gạch dưới các câu kể “Ai thế nào?” trong đoạn văn sau. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ, vị ngữ của các câu vừa tìm được.

“Đạo ấy là mùa hạ. Nắng gay gắt. Cây cối thu mình, héo quắt dưới sự hun đốt giận dữ của mặt trời. Thế mà Chuối con vẫn xanh mơn mớn nhờ bầu sữa ngọt lành của mẹ. Chẳng mấy chốc, nó đã to lớn, phồng phao.”

Bài 4. Viết mở bài và kết bài cho bài văn miêu tả một cây ăn quả mà em biết.

Mở rộng vốn từ: “Dũng cảm”

Bài 1. Gạch dưới các từ trái nghĩa với từ “dũng cảm”:

nhút nhát, nhát, nhát gan, cẩn thận, hèn nhát, hèn mạt, hèn hạ, ngăn nắp,

hiếu thảo, bạc nhược, nhu nhược, khiếp nhược, hòa nhã, trung hậu

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong các từ: “gan góc”, “gan dạ”, “gan lì”, “bạo gan” để điền vào chỗ trống:

a. Anh ấy rất _____, không biết sợ hiểm nguy.

b. Cậu ta thật _____, hỏi thế nào cũng không nói.

c. Chiến sĩ ta _____ chống chọi lại với kẻ thù.

d. Cậu _____ thật đấy, dám tranh luận với sếp của mình.

Bài 3. Đặt câu với mỗi từ sau: “gan dạ”, “gan lì”.

TẬP LÀM VĂN Luyện tập tóm tắt tin tức

Luyện tập xây dựng mở bài trong bài văn miêu tả cây cối

Bài 1. Đọc các đoạn mở bài sau và cho biết đó là mở bài gián tiếp hay trực tiếp:

a. “Từ xa nhìn lại, trường em như một khu vườn cổ tích với rất nhiều cây bóng mát. Đó là những món quà mà các anh chị khoá trước trồng tặng. Mỗi cây đều có một kỉ niệm riêng với từng lớp. Nhưng to nhất, đẹp nhất là cây phượng vĩ trồng ở giữa sân trường.”

Mở bài theo kiểu: _____

b. “Cây mít mật là loài cây tôi yêu quý. Nó là cả một khu vườn đối với tuổi thơ tôi.”

Mở bài theo kiểu: _____

c. “Mùa xuân đến rồi! Tôi cảm nhận được hương mùa xuân đang đậu nhẹ nhẹ trên những cánh đào phai trong vườn. Tôi yêu cây đào phai đứng uy nghi ở góc vườn.”

Mở bài theo kiểu: _____

d. “Mùa nào thức nấy, mảnh vườn nhà ngoại đủ thứ rau xanh theo mùa. Mùa đông, mùa xuân, cải và thì là non tươi, mơn mớn. Mùa hạ, rau muống, rau dền đua nhau tươi tốt. Mùa thu, những luống cải sớm bên cạnh đám rau lang xanh rờn... Riêng

Bài 2. Đọc đoạn trích sau:

“(1) Mỗi quả cà chua chín là một mặt trời nhỏ hiền dịu. (2) Cà chua thấp đèn lồng trong lùm cây nhỏ bé, gọi người đến hái. (3) Màu đỏ là màu nhận ra sớm nhất. (4) Những quả cà chua đầu mùa gieo sự náo nức cho mọi người.”

(Ngô Văn Phú)

a. Đoạn văn có _____ câu kể “Ai là gì?”. Đó là: _____

b. Gạch dưới chủ ngữ trong câu kể “Ai là gì?”.

Bài 3. Gạch dưới chủ ngữ trong các câu dưới đây và cho biết cấu tạo của chủ ngữ:

a. “Sầu riêng là loại trái quý của miền Nam.”

b. “Mạng lưới kênh rạch chằng chịt là mạch máu cung cấp nước cho cả vùng vựa lúa Nam Bộ.”

c. “Thác Y-a-li là một thắng cảnh giữa lưng chừng trời.”

Bài 4. Đặt câu kể “Ai là gì?” theo yêu cầu:

a. có chủ ngữ là “môn Tiếng Việt”

b. vị ngữ có từ “nhanh nhẹn”

Bài 5. Nối những từ ngữ thích hợp ở cột A với cột B để tạo câu kể “Ai là gì?”:

A	B
1. Ê-đi-xơn	a. là loài động vật đã tuyệt chủng.
2. Đà Lạt	b. là một thành phố nổi tiếng với rừng thông và thác nước.
3. Khủng long	c. là một nhà bác học vĩ đại.
4. Cây tre	d. là biểu tượng cho con người Việt Nam.

TUẦN 22: VẼ ĐẸP MUÔN MÀU**TẬP ĐỌC**

“Sầu riêng” (Mai Văn Tạo)

“Chợ Tết” (Đoàn Văn Cừ)

CHÍNH TẢ

Phân biệt l/n, ut/uc

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Chủ ngữ trong câu kể “Ai thế nào?”

Mở rộng vốn từ: “Cái đẹp”

I. Kiến thức**Chủ ngữ trong câu kể “Ai thế nào?”**

- Chỉ những sự vật có đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái được nêu ở vị ngữ.
- Thường do danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành.

Ví dụ:

Hết mùa hoa, chim chóc / cũng văn.

CN VN (chủ ngữ là danh từ)

Những người xa lạ / cũng bùi ngùi, xúc động trước cảnh tượng đó.

CN VN (chủ ngữ là cụm danh từ)

II. Bài tập**Chủ ngữ trong câu kể “Ai thế nào?”****Bài 1.** Gạch dưới các câu kể “Ai thế nào?” trong đoạn văn sau:

“Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích chòe nhanh nhẩu. Những chú khướu lảm điệu. Những anh chào mào đom đóm. Những bác cu gáy trầm ngâm.”

(Theo Nguyễn Kiên)

Bài 2. Đọc đoạn trích sau:

“Trái vải tiến vua chỉ nhỉnh hơn cái chén hạt mít dùng để pha trà tàu một chút. Vỏ của nó không đỏ mà ong óng một màu nâu, nhẵn lì chứ không có gai gồ ghề... Cùi vải dày như cùi dừa nhưng không trắng bạch mà trắng ngà.” (Theo Vũ Bằng)

- a. Các câu trong đoạn trích trên thuộc kiểu câu kể nào? _____
- b. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ và vị ngữ của từng câu.

Bài 3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo các câu kể “Ai thế nào?”:

- a. _____ nhộn nhịp và tấp nập người đi lại.
- b. _____ thật dũng cảm.
- c. _____ mịn màng như lụa.
- d. _____ rực rỡ sắc màu và ngan ngát hương thơm.

Bài 4. Gạch dưới chủ ngữ trong mỗi câu sau và cho biết cấu tạo của chủ ngữ:

- a. “Cuộc sống quanh ta thật đẹp.”

- b. “Gà trống có bộ lông mượt mà cùng với chiếc mào đỏ chói.”

- c. “Thân cây cao vút, thẳng như một cột nước từ trên trời rơi xuống.”

- d. “Hoa phượng như những đốm lửa trong vòm lá xanh.”

Bài 5. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ và vị ngữ trong các câu sau:

- a. “Hoa giấy đẹp một cách giản dị.”
- b. “Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận.”
- c. “Cây cỏ xung quanh hồ um tùm, tươi tốt.”
- d. “Quanh tôi, ngậy ngát mùi hoa vi-ô-lét.”
- e. “Hồi ông Năm mới ra chòi vịt, ông trầm lặng như một chiếc bóng.”

TUẦN 25: NHỮNG NGƯỜI QUẢ CẢM

TẬP ĐỌC

“Khuất phục tên cướp biển” (Theo Xti-ven-xơn)

“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật)

CHÍNH TẢ

Phân biệt r/d/gi, ên/ênh

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Chủ ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

Mở rộng vốn từ: “Dũng cảm”

I. Kiến thức

Chủ ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

- Chủ ngữ trong câu kể “Ai là gì?” chỉ sự vật được giới thiệu, nhận định ở vị ngữ.
- Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi “Ai (con gì, cái gì)?”.
- Chủ ngữ thường do danh từ (hoặc cụm danh từ) tạo thành.

Ví dụ: “Mẹ / là người yêu thương tôi nhất.”

CN VN (chủ ngữ là danh từ)

“Loài hoa mà tôi thích nhất / là hoa hồng.”

CN VN (chủ ngữ là cụm danh từ)

II. Bài tập

Chủ ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

Bài 1. Gạch dưới câu kể “Ai là gì?” có trong các đoạn thơ, đoạn văn sau:

- a. “Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm êm khua nước ven sông.”

(Theo Đỗ Trung Quân)

- b. “Giàn đầu nhà rồng là nơi thờ thần làng, trên vách treo một giỏ mây đựng hòn đá thần. Đó là hòn đá mà già làng nhặt lấy khi chọn đất lập làng. Xung quanh hòn đá thần, người ta treo những cành hoa đan bằng tre, vũ khí, nông cụ của cha ông truyền lại và chiêng trống dùng khi cúng tế.”

(Theo Nguyễn Văn Huy)

a. Gạch dưới các từ lấy trong đoạn văn trên.

b. Các từ ghép phân loại trong hai câu (1), (2) là:

c. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

(4) “Mọi người, mọi nhà trong làng đều náo nức sửa soạn.”

(5) “Các mẹ, các chị thì đi chợ về sớm hơn mọi ngày.”

(9) “Một vụ gặt bắt đầu.”

Bài 5. Viết đoạn văn từ 8 đến 10 câu tả cây bàng vào một mùa mà em thích nhất.

Mở rộng vốn từ: “Cái đẹp”

Bài 1. Xếp các từ sau vào cột thích hợp:

thùy mị, tươi tắn, nết na, xinh xắn, thướt tha, thanh cao,

rực rỡ, xinh tươi, khiêm tốn, chân thành

Từ thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người	Từ thể hiện nét đẹp trong tâm hồn, tính cách của con người
_____	_____
_____	_____
_____	_____

Bài 2. “Thùy mị” là từ thường dùng để chỉ người con gái mang vẻ đẹp dịu dàng, hiền hậu. Đặt một câu với từ “thùy mị”.

Bài 3. Chọn từ ngữ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống: “đẹp đẽ”, “đẹp mắt”, “đẹp lòng”, “đẹp trời”:

a. Đó là một bàn thắng _____.

b. Nhà cửa khang trang, _____.

c. Hôm nay là một ngày _____.

d. _____ vua phán bầy tôi

Tim đất kén thợ định nơi xây nhà.

TẬP LÀM VĂN Văn miêu tả cây cối

I. Kiến thức

Các bước làm bài văn miêu tả cây cối

1. Quan sát

Khi quan sát, cần sử dụng phối hợp nhiều giác quan để cảm nhận về hình dáng, màu sắc, hương vị... các bộ phận của cây cũng như ấn tượng bao quát về cây.

2. Sắp xếp kết quả quan sát

Sau khi quan sát, cần sắp xếp kết quả quan sát theo một trình tự hợp lí. Có thể theo trình tự không gian: đi từ bao quát (hình dáng) đến cụ thể (từng bộ phận: rễ, thân, lá, hoa, quả...) hoặc từ cụ thể đến bao quát. Có thể theo trình tự thời gian: đặc điểm của cây theo từng mùa hoặc từng thời điểm.

3. Lập dàn ý

a. Mở bài: Giới thiệu về loại cây được tả

- Cây được trồng ở đâu?
- Thuộc loại cây gì? (cây ăn quả, cây bóng mát, cây cảnh...)

b. Thân bài: Miêu tả cây

- Tả bao quát:
 - + Hình dáng của cây khi nhìn từ xa
 - + Ấn tượng đặc biệt về cây
- Tả chi tiết:
 - + Tả từng bộ phận của cây: rễ, gốc, thân, lá, hoa, quả...
 - + Tả cây theo từng thời điểm khác nhau: mùa hoa, mùa quả, mùa lá rụng...
 - + Tả cảnh vật xung quanh: môi trường sống của cây (khí hậu, chim chóc, ong bướm...) có tác động và ảnh hưởng đến cây như thế nào?
- Lợi ích của cây:
 - + Cây cho bóng mát, cây cho hoa thơm, quả ngọt...
 - + Cây giúp cho bầu không khí trong lành hơn.

c. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về cây được tả.

- Em đã chăm sóc, bảo vệ cây như thế nào?
- Những dự định của em về việc trồng cây.

4. Viết bài văn

- Mỗi ý viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.
- Chú ý sử dụng các từ láy, từ giàu giá trị gợi tả; vận dụng các biện pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh để bài văn sinh động hơn.
- Có thể mở rộng ý bằng cách liên tưởng hoặc đan xen cảm xúc của bản thân đối với loài cây mình miêu tả.

ĐỀ LUYỆN (SỐ 1)

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- a. xấu xí, hồi hộp, đẹp đẽ, ngạo ngạt
- b. tốt tươi, đi đứng, phổ phàm, xinh xắn
- c. sợ hãi, chạy nhảy, đi lại, học tập
- d. inh ỏi, nhanh nhẹn, ấm êm, bát ngát

Bài 2. Viết lại các tên riêng sau cho đúng quy tắc viết hoa: himalaya, tôn trung sơn, lép tônxtôi, xiônccốpxki.

Bài 3. Xác định các nhận xét sau đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào ô trống:

Nhận xét	Đúng	Sai
Câu tục ngữ “Người ta là hoa đất.” ca ngợi vẻ đẹp của con người.		
Dấu gạch ngang dưới đây dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu. “Bố hỏi tôi: – Con đã làm bài tập xong chưa?”		
Chủ ngữ trong câu “Còn chị Bưởi thì ôm riết mấy đứa con đầu tròn tròn lóc như sợ nó rớt xuống mặt đất...” là “mấy đứa con”.		
Câu “Cuối tháng ba, đầu tháng tư, nước sông Tương chứa nhiều phù sa màu đỏ sẫm.” thuộc câu kể “Ai thế nào?”.		

Bài 4. Đọc đoạn văn sau:

“(1) Nắng tháng mười vàng hoe. (2) Ban đêm, đầy trời sao lấp lánh. (3) Trăng sáng vàng vạc. (4) Mọi người, mọi nhà trong làng đều náo nức sửa soạn. (5) Các mẹ, các chị thì đi chợ về sớm hơn mọi ngày. (6) Liếm hái, xe công nông cũng được mọi người sửa sang, chuẩn bị. (7) Lúa ngoài đồng đã ứng vàng. (8) Sáng sớm, tiếng gà gáy đã râm ran, cả làng đã tấp nập kéo ra đồng đồng vui như ngày hội. (9) Một vụ gặt bắt đầu.”

(Theo Lê Thị Nhân)

b. “Khung cảnh nơi đây rất tươi đẹp và lộng lẫy.”

c. “Bầy nai nhỏ đang uống nước bên bờ suối.”

d. “Sa Pa quả là món quà tặng diệu kì mà thiên nhiên dành cho đất nước ta.”

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

a. “Nắng phố huyện vàng hoe.”

b. “Trẻ em nước Nhật và nhiều nơi trên thế giới đã tới tấp gửi hàng nghìn con sếu giấy đến cho Xa-xa-cô.”

c. Mùa xuân là mùa cây cối đâm chồi nảy lộc.

Bài 5. Điền dấu gạch ngang vào chỗ thích hợp trong đoạn trích sau và cho biết tác dụng của nó:

“Tên sĩ quan không còn tin ở mắt mình nữa. Trước mặt hắn vẫn là chú bé mặc áo sơ mi xanh có hàng cúc trắng mà hắn đã ra lệnh cho bọn lính bắn chết đêm qua. Tên sĩ quan rên rĩ:

Ôi lạy Chúa! Đất nước này thật là ma quỷ!”

Tác dụng: _____

Bài 6. Đặt câu theo yêu cầu:

a. câu kể “Ai làm gì?” và nói về bản thân

b. câu kể “Ai thế nào?” và nói về thiên nhiên

c. có dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích trong câu

II. Bài tập

Bài 1. Đọc đoạn trích sau:

“Nhà tôi có một cây nhãn tơ. Thân nó mập, chắc lắn. Tán nó xum xuê tròn. Vào cuối mùa xuân, nhìn cây nhãn thật thích. Bắt đầu thì hàng trăm hàng trăm nhánh non màu nâu sẫm đua nhau ngoi lên vượt các lớp lá xanh um. Rồi những chùm hoa nhãn nở lấm tấm... Nắng sớm chuyển từ màu vàng sáng sang màu hồng đào. Tiếng ve đầu tiên đột ngột vang lạnh lớt. Hoa phượng bật đèn đỏ. Mùa hè đến một cách rầm rộ và bất ngờ như thế đấy. Thoắt cái, những chùm nhãn mới đậu đã nhú đều như hạt gạo, hàng nghìn hàng nghìn quả...”

Trên những chùm quả nhãn bé tí xíu màu xanh xỉn nổi bật lên những con gì to bằng vẩy ốc vặn, màu vàng sẫm sặc sỡ... Hóa ra đó là những thằng bọ xít con. Chúng im lặng cắm vòi vào những cuống non đang nuôi các quả nhãn, ra sức hút nhựa. Chúng lớn nhanh trông thấy, người mập ú, căng bóng, đôi râu lờ đờ khẽ rung rung, vẻ thỏa mãn no nê lăm. Hàng loạt quả nhãn đã vì lũ bọ xít mà bị thui chột. Nhưng cây nhãn đâu có chịu thua. Như một bà mẹ thương con, cây nhãn dồn tất cả sữa ngọt sữa ngon của mình lên các chùm quả. Thế là quả lớn như thổi, bằng hạt ngô, rồi bằng hòn bi, tròn và đều, chắc. Những quả nhãn to đầy sữa mẹ ngày lại ngày dầm mưa hè, phơi nắng hè, đã chín ngọt...”

(Theo Vũ Tú Nam)

a. Đoạn trích trên miêu tả cây nhãn theo trình tự nào?

b. Tác giả đã sử dụng những giác quan nào để quan sát cây nhãn?

c. Để miêu tả cây nhãn, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Gạch dưới các từ ngữ thể hiện những biện pháp nghệ thuật đó.

Bài 2. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu tả một cây ăn quả vào mùa quả chín.

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 4)

Bài 1. Đọc đoạn văn sau:

"(1) Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. (2) Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. (3) Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. (4) Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. (5) Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. (6) Chào mào, sáo sậu, sáo đen,... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. (7) Chúng gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được. (8) Ngày hội mùa xuân đấy!"

(Theo Vũ Tú Nam)

a. Khoanh vào các từ láy trong đoạn văn trên.

b. Trong đoạn văn trên, các câu kể "Ai thế nào?" là: _____

Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu đó.

c. Vị ngữ trong câu (4) là: _____

d. Chủ ngữ trong câu (7) là: _____

Bài 2. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong các câu sau và cho biết mỗi câu thuộc kiểu câu kể nào:

a. "Kéo co là một trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân ta."

b. "Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi."

c. "Nguyễn Ngọc Ký là một tấm gương giàu nghị lực."

d. "Tiếng sáo diều vi vu, trầm bổng."

Bài 3. Gạch dưới vị ngữ trong mỗi câu sau đây và cho biết cấu tạo của vị ngữ:

a. "Con chim họa mi xù lông, rũ hết những giọt sương."

CẢM THỤ VĂN HỌC

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên trong đoạn thơ sau:

"Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,

Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,

Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,

Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh..."

(Trích "Chợ Tết" – Đoàn Văn Cừ)

Bài 2. Dùng dấu gạch chéo (/) ngăn cách chủ ngữ, vị ngữ của câu kể “Ai là gì?” trong đoạn thơ sau và cho biết cấu tạo của vị ngữ:

"Bông cúc là nắng làm hoa

Bướm vàng là năng bay ra, lượn vòng.

Lúa chín là năng của đồng

Trái thị, trái hồng là nắng của cây."

Cấu tạo của vị ngữ: _____

Bài 3. Viết một đoạn văn từ 7 đến 9 câu tả cây phượng vĩ vào những ngày hè.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

PHIẾU CUỐI TUẦN 22

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

"Cây si bao giờ cũng già hơn những cây khác, từ cây si cổ thụ bên giếng đầu làng đến cây si bé tí trong hòn non bộ của ông tôi.

Rễ si làm thành bộ “râu” độc đáo của si. Bộ râu si rất rậm và dài. Những ngày sắp mưa hoặc sau mưa, cây si lại càng già thêm vì râu cứ trắng ra. Cây si khác cây đa là những chòm râu ấy không thành những thân phụ, mà bao giờ cũng vẫn chỉ là bộ râu lò xo; còn cây đa đến một ngày nào đó có những cái râu sẽ ăn xuống đất, lớn lên, thành thân cây; một cây đa có khi đến năm, sáu gốc.

Lá si tuy nhỏ nhưng nhiều nên bao giờ cũng cho bóng mát. Bước vào dưới bóng một cây si, sờ vào từng chòm râu, ta cảm thấy mát rượi và quên ngay cái nắng gay gắt ngoài đường. Cây si không bao giờ rụng lá hàng loạt như cây bàng, cây sấu, cây xà cừ, cây xoan. Cây si già hơn những cây khác vì chòm râu nhưng cũng luôn trẻ hơn những cây khác vì xanh lá quanh năm.

Lá si tặng con người bóng mát, còn chòm râu thì để trẻ ngẫm nghĩa mà nhớ đến ông nội, ông ngoại của mình, những người già luôn yêu quý các em."

("Cây si" – Theo Băng Sơn)

1. Vì sao tác giả nói cây si già hơn những loài cây khác?

a. Vĩ rể si giống như chòm râu.

b. Vĩ cây si xanh lá quanh năm.

c. Vĩ cây si không bao giờ rụng lá hàng loạt.

2. Bộ râu của cây si thể nào?

a. rất rậm và ngắn

b. rất thưa và dài

c. rất rậm và dài

3. Cây si khác cây đa ở chỗ nào?

a. Cây si không cho bóng mát giống như cây đa.

b. Những chòm râu của cây si không trở thành thân phụ giống như cây đa.

c. Cả a và b đều đúng.

4. Lá si được miêu tả như thế nào?

- a. tuy nhỏ nhưng nhiều, xanh quanh năm
- b. rất to và nhiều, xanh quanh năm
- c. rất nhỏ và ít, thường rụng hàng loạt

5. Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Bài 2. Điền các từ: “xinh xắn”, “thùy mị”, “huy hoàng”, “tráng lệ” vào chỗ trống thích hợp:

- a. Đó là những cung điện nguy nga _____.
- b. Thủ đô được trang trí _____ trong ngày lễ.
- c. Tính nết cô ấy thật _____, dễ thương.
- d. Cô bé càng lớn càng _____.

Bài 3. Gạch 1 gạch dưới chủ ngữ, 2 gạch dưới vị ngữ của các câu trong đoạn văn sau:

(1) “Những cây bằng lăng trơ trụi, lẻo khẻo, thiếu não như cái cọc cắm. (2) Thế mà mưa phùn đã làm cho cái đầu cành bằng lăng nhú mầm. (3) Mưa bụi đọng lại thành những bông nước bọc trắng ngần như thủy tinh. (4) Trên cành ngang, những hạt mưa thành dây chuỗi hạt trai treo lóng lánh...”

(Sưu tầm)

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 7 câu miêu tả một cây bóng mát.

PHIẾU CUỐI TUẦN 24

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Mùa thu, bầu trời tự nhiên cao bỗng lên và xanh trong. Một màu xanh trứng sáo ngọt ngào, êm dịu. Vắng hẳn những đám mây đen thường ùn ùn kéo lên từ phía chân trời mỗi buổi chiều hè oi bức và vì thế, những trận mưa ào ạt cũng thưa đi. Con sông chảy qua đầu làng Thanh thoi sủi bọt đục ngầu, ào ạt xô đẩy những đám củi rêu bèo bọt, chảy về xuôi. Giờ nó lắng lại, chỉ lặn tằm gợn sóng, vỗ nhẹ vào đôi bờ lóc bóc. Cũng có lúc dòng sông như một tấm gương trắng thủy ngân xanh, soi rõ trời cao và những cánh cò trắng muốt vỗ cánh qua sông một cách bình thản. Lúc ấy, mặt trời hết như một con-người sâu sắc, đang mãi suy nghĩ điều gì.

Trong hồ rộng, sen đang lụi tàn. Những chiếc lá to như cái sàng màu xanh sẫm đã quăn mép, khô dần. Họa hoằn mới có vài cái lá non xanh, nhỏ nhỏ mọc xòe trên mặt nước. Gương sen to bằng miếng bát, nghiêng nghiêng như muốn soi chân trời. Tiếng cước kêu thưa thớt trong các lùm cây lau sậy ven hồ. Đường như chúng mỗi miện sau một mùa hè kêu ra rả và bây giờ muốn nghỉ ngơi cho lại sức...”

(“Mùa thu trong trẻo” – Nguyễn Văn Chương)

1. Trong đoạn trích trên, tác giả tập trung miêu tả cảnh gì?

- a. cảnh mùa thu b. bầu trời mùa thu c. hồ sen vào mùa thu

2. Những chi tiết nào cho thấy vẻ đẹp của mùa thu trong đoạn văn thứ nhất?

- a. Bầu trời cao, xanh trong, vắng hẳn những đám mây đen và ít mưa rào.
- b. Dòng sông lắng lại, chỉ lặn tằm gợn sóng, vỗ nhẹ vào bờ, có lúc trong như một tấm gương trắng thủy ngân xanh, soi rõ trời cao và những cánh cò trắng muốt.

c. Tất cả những chi tiết ở a và b.

3. Đoạn trích trên có mấy hình ảnh so sánh?

- a. 2 hình ảnh b. 3 hình ảnh c. 4 hình ảnh

4. Câu văn “Trong hồ rộng, sen đang lụi tàn.” thuộc kiểu câu kể nào?

- a. Ai là gì? b. Ai làm gì? c. Ai thế nào?

5. Để miêu tả nổi bật cảnh mùa thu, tác giả đã tập trung miêu tả những sự vật nào?

6. Viết một câu kiểu “Ai là gì?” nói về mùa thu.

CẢM THỤ VĂN HỌC

Đọc đoạn thơ sau:

"Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi."

a. Đoạn thơ trên thuộc bài nào, của ai?

b. Tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu thơ "Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời".

c. Trình bày cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên trong đoạn thơ trên.

TUẦN 23: VẼ ĐẸP MUÔN MÀU**TẬP ĐỌC**

"Hoa học trò" (Xuân Diệu)

"Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"

(Nguyễn Khoa Điềm)

CHÍNH TẢ

Phân biệt s/x, ưc/ưt

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Dấu gạch ngang

Mở rộng vốn từ: "Cái đẹp"

I. Kiến thức**Dấu gạch ngang**

Tác dụng của dấu gạch ngang:

- Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại
- Đánh dấu phần chú thích trong câu
- Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê

Ví dụ 1: "Một con thỏ thấy thế liền mải mai:

- Đã gọi là chậm như rùa mà cũng đòi tập chạy."

(Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại)

Ví dụ 2: "Một bữa Pa-xcan đi đâu về khuya, thấy bố mình – một viên chức tài chính – vẫn cặm cụi trước bàn làm việc."

(Đánh dấu phần chú thích trong câu)

Ví dụ 3: "Những hoạt động các em có thể làm để giữ cho môi trường luôn xanh, sạch, đẹp:

- Trồng và chăm sóc cây xanh;
- Dọn vệ sinh nơi đang sống và học tập."

(Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê)

TẬP LÀM VĂN Luyện tập dựng đoạn văn miêu tả cây cối

Tóm tắt tin tức

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**Cây sồi già**

"Bên vệ đường, sừng sững một cây sồi. Đó là một cây sồi lớn, hai người ôm không xuể, có những cành có lẽ đã gãy từ lâu, vỏ cây nứt nẻ đầy vết sẹo. Với những cánh tay to xù xì không cân đối, với những ngón tay quều quào xòe rộng, nó như một con quái vật già nua cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười.

Bấy giờ đã là đầu tháng Sáu. Mới sau có một tháng, cây sồi già đã thay đổi hẳn, tỏa rộng thành vòm lá sum sê xanh tốt thắm màu, đang say sưa ngây ngất, khê đung đưa trong nắng chiếu. Không còn thấy những ngón tay co quắp, những vết sẹo và vẻ ngờ vực, buồn rầu trước kia. Xuyên qua lớp vỏ cứng già hàng thế kỉ, những khóm lá non xanh tươi đã đâm thẳng ra ngoài. Thật khó lòng tin được chính cây sồi già cằn cỗi kia đã sinh ra chùm lá non xanh mơn mơn ấy."

(Theo Lép Tôn-xtôi)

a. Xác định trình tự miêu tả trong đoạn trích trên.

b. Qua các thời điểm khác nhau, cây sồi già thay đổi như thế nào?

Bài 2. Một bạn đang viết các đoạn văn cho bài văn miêu tả cây hoa hồng nhưng chưa đoạn nào hoàn chỉnh. Hãy giúp bạn viết hoàn chỉnh các đoạn văn để thành bài văn.

Đoạn 1: [...], nhưng em thích nhất cây hoa hồng nhung – món quà bố tặng mẹ nhân dịp 8 – 3.

Đoạn 2: Thân cây hồng mảnh khảnh, [...]

Lá hồng non màu [...]

Đoạn 3: Hoa hồng đúng là Nữ hoàng của các loài hoa. Nó đẹp lạ kì. Một vẻ đẹp

Mở rộng vốn từ: "Cái đẹp"**Bài 1.** Dòng nào chỉ gồm các từ ngữ miêu tả mức độ cao của cái đẹp?

- a. tuyệt vời, tuyệt trần, mê li, tuyệt diệu
- b. khá đẹp, tuyệt trần, đằm đệp, tuyệt diệu
- c. tuyệt vời, tuyệt trần, mê li, đẹp

Bài 2. Tìm các từ ngữ có:

- a. Tiếng "đẹp" đứng trước: _____
- b. Tiếng "đẹp" đứng sau: _____

Bài 3. Chọn thành ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống: "đẹp như tiên", "đẹp như mộng", "đẹp như tranh", "đẹp như Tây Thi", "đẹp người đẹp nết":

- a. Cô Tấm (trong truyện cổ tích "Tấm Cám") là một cô gái _____.
- b. Nước non mình đâu đâu cũng _____.

Bài 4. Khoanh vào chữ cái trước các thành ngữ, tục ngữ ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người:

- a. "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn." d. "Cái nết đánh chết cái đẹp."
- b. "Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân." e. "Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ."
- c. "Đẹp như tiên." f. "Mặt hoa da phấn."

TẬP LÀM VĂN Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối

Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối

I. Kiến thức**Đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối**

– Về nội dung: Mỗi đoạn văn miêu tả có một nội dung nhất định: giới thiệu về đối tượng miêu tả, tả bao quát đối tượng, tả từng bộ phận của đối tượng hoặc nêu lên tình cảm, thái độ của người viết với đối tượng được miêu tả...

– Về hình thức: Đoạn văn được bắt đầu bằng chữ cái viết hoa, lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

II. Bài tập

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi:

“Thân cây lộc vừng vững chãi như người lính đứng canh cho một khoảng sân. Cả thân xù xì nổi lên những u cục, sờ vào ram ráp nhưng lại gợi cảm giác mát mẻ, hiền hòa. Từ những hốc trên thân cây mọc ra những tán lá to, xòe rộng.

Lá lộc vừng xanh màu xanh đậm gần bằng bàn tay người lớn. Nhưng đến mùa đông thì cây đồng loạt ửng lên trong sắc đỏ. Màu đỏ từ phơn phớt sang đỏ ối tưởng như cây chứa lửa trong thân. Mỗi chiếc lá cứ ánh sắc lên bầu trời mùa đông xám khiến những chú chim chưa kịp đi tránh rét tưởng đâu là nắng, sà xuống hót lên một hồi rồi vụt bay đi.

Cuối mùa đông, cây đồng loạt nghiêng mình trút lá. Khi ấy, đứng dưới gốc cây lộc vừng sẽ thấy lá bay ngang qua mặt dào dạt. Từng chiếc lá nhỏ nghiêng mình đậu xuống như hạt nắng đậu trên nền đất. Cả cây làm nên một cảnh tượng vừa mạnh mẽ lại vừa mỏng manh, khiến ai đi qua cũng thấy ngỡ ngàng...”

(Sưu tầm)

a. Đoạn trích trên tả loài cây nào?

b. Cho biết đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai tả bộ phận nào của cây?

c. Xác định trình tự miêu tả của đoạn trích trên.

d. Tác giả sử dụng những giác quan nào để quan sát đối tượng miêu tả?

Bài 2. Đọc đoạn văn sau:

“(1) Cách Bà Rịa khoảng năm trăm cây số về phía đông – nam bờ biển, đã mọc lên một chùm đảo san hô nhiều màu. (2) Đó là quần đảo Trường Sa, mảnh đất xa xôi nhất của Tổ quốc ta. (3) Quần đảo gồm nhiều đảo nhỏ, đứng theo hình vòng cung. (4) Mỗi đảo là bông hoa san hô rực rỡ góp thành một lẵng hoa giữa mặt nước biển Đông xanh mênh mông.”

(Theo Hà Đình Cẩn)

a. Đoạn văn trên có _____ câu kể “Ai là gì?”. Đó là _____

b. Dùng dấu gạch chéo (/) để tách chủ ngữ và vị ngữ của mỗi câu kể “Ai là gì?” trong đoạn văn trên.

Bài 3. Gạch dưới các câu kiểu “Ai là gì?” và cho biết cấu tạo của vị ngữ:

a. “Tớ là chiếc xe lu
Người tớ to lù lù.”

b. “Đào không diện áo bố ơi
Hoa là áo của cây rồi đó con.”

c. “Con mong mẹ khỏe dần dần
Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.
Rồi ra đọc sách, cấy cà
Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.”

Bài 4. Gạch dưới vị ngữ trong các câu kể “Ai là gì?” và cho biết cấu tạo của vị ngữ:

a. “Sách là người thầy vĩ đại của con người.”

b. “Thủ đô của nước ta là Hà Nội.”

TUẦN 24: VẼ ĐẸP MUÔN MÀU

TẬP ĐỌC

“Vẽ về cuộc sống an toàn” (Theo báo Đại Đoàn Kết)

“Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận)

CHÍNH TẢ

Phân biệt tr/ch, dấu hỏi/dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu kể “Ai là gì?”. Vị ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

I. Kiến thức

1. Câu kể “Ai là gì?”

- Câu kể “Ai là gì?” gồm hai bộ phận. Bộ phận thứ nhất là chủ ngữ trả lời cho câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?”. Bộ phận thứ hai là vị ngữ trả lời cho câu hỏi “Là gì?”.
- Câu kể “Ai là gì?” được dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về một người, một vật nào đó.

2. Vị ngữ trong câu kể “Ai là gì?”

Trong câu kể “Ai là gì?” :

- Vị ngữ được nối với chủ ngữ bằng từ “là”.
- Vị ngữ thường do từ “là” kết hợp với danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành.

Ví dụ:

- Anh-xanh / là một nhà bác học nổi tiếng.

CN VN (vị ngữ là một cụm danh từ)

- Người mà tôi yêu quý nhất / là mẹ.

CN VN (vị ngữ là một danh từ)

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu kể “Ai là gì?”:

- “Bạn chăm chỉ ôn tập hay là bạn sẽ nhận điểm kém trong kì thi sắp tới?”
- “Mẹ em đang là quần áo.”
- “Mọi người gọi em là cô bé quàng khăn đỏ.”
- “Cô Hoài Anh là một MC nổi tiếng.”

CẢM THỤ VĂN HỌC

Đọc đoạn thơ sau:

“Đêm nay trăng đang rằm

Trăng như cái mâm con

Ai treo ông cao thế

Ông nhìn đàn em bé

Muốn khoe có mặt tròn.”

(Trích “Trông trăng” – Trần Đăng Khoa)

- Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra các từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

- Nêu cảm nhận của em về hình ảnh trăng trong đoạn thơ trên.

PHIẾU CUỐI TUẦN 23

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Một cô bé tên là Jenny thường cúi đầu vì nghĩ rằng mình không đủ xinh đẹp.

Một hôm, cô bé đến cửa hàng nữ trang và mua một cái kẹp nơ màu đỏ. Người chủ luôn miệng nói rằng trông cô rất đẹp với chiếc nơ màu đỏ mới mua ấy. Nghe những lời này, Jenny cảm thấy rất hạnh phúc và ngẩng cao đầu tự tin. Cô bé cũng rất muốn mọi người nhìn thấy chiếc nơ màu đỏ của mình. Đến mức khi có ai đó va vào cô, cô hầu như không để ý đến.

Khi cô bé bước vào lớp học, giáo viên cũng phải thốt lên: “Jenny, trông em thật đẹp khi em ngẩng đầu lên.”. Cô giáo thậm chí còn ôm cô bé vào lòng.

Ngày hôm đó, cô bé nhận được rất nhiều lời khen ngợi, cô nghĩ đó là nhờ chiếc nơ màu đỏ. Tuy nhiên vào cuối ngày, khi về nhà và soi mình trong gương, Jenny mới phát hiện ra rằng chiếc nơ đã biến mất. Nó đã rơi khỏi đầu khi ai đó va vào cô.

Tự tin là một hình thức của vẻ đẹp. Tuy nhiên, hầu hết mọi người nghĩ rằng vẻ đẹp chính là tướng mạo bề ngoài. Đó là lí do tại sao nhiều người cảm thấy không hài lòng với bản thân. Không quan trọng bạn giàu hay nghèo, dễ thương hay không, miễn là bạn có thể ngẩng cao đầu một cách tự tin, bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc, đó chính là điều khiến bạn trông quyến rũ và đáng yêu trong mắt người khác.”

(“Vẻ đẹp chân chính là tự tin ngẩng cao đầu” – Theo Trithucvn.net)

1. Vì sao cô bé Jenny thường cúi đầu khi ra ngoài?

- a. Vì cô bé bị mọi người chê xấu.
- b. Vì cô bé không nhìn thấy đường đi.
- c. Vì cô bé nghĩ mình không đủ xinh đẹp.

2. Khi được người chủ cửa hàng nói rằng trông cô rất xinh đẹp với chiếc nơ màu đỏ, cô bé cảm thấy như thế nào?

- a. Cô bé vẫn cảm thấy rất tự ti và buồn chán.
- b. Cô bé cảm thấy rất hạnh phúc và tự tin.
- c. Cô bé cảm thấy rất xấu hổ và ngượng ngùng.

3. Khi vào lớp học, cô giáo khen cô bé điều gì?

- a. Cô bé có chiếc nơ đỏ rất đẹp.
- b. Cô bé thật đẹp khi ngẩng đầu lên.
- c. Cô bé học bài và làm bài rất tốt.

4. Cô bé nghĩ rằng mình nhận được rất nhiều lời khen ngợi là nhờ:

- a. chiếc nơ màu đỏ giúp cô bé trông xinh hơn
- b. tự tin và hãnh diện với vẻ đẹp của mình
- c. mình thực sự xinh đẹp

5. Câu chuyện trên giúp chúng ta hiểu được điều gì?

Bài 2. Nối thành ngữ, tục ngữ ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B:

A
1. “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.”
2. “Đẹp người đẹp nết.”
3. “Cái nết đánh chết cái đẹp.”

B
a. Phẩm chất quý hơn vẻ đẹp bên ngoài.
b. Nết na quý hơn sắc đẹp.
c. Đẹp cả người lẫn tính nết.

Bài 3. Nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong các câu sau:

a. “Một lần, bác sĩ Ly – một người nổi tiếng nhân từ – đến thăm bệnh cho ông chủ quán trọ.”

Tác dụng của dấu gạch ngang: _____

b. “Chúa tàu trừng mắt nhìn bác sĩ, quát:

– Có cảm mồm không?

Bác sĩ điềm tĩnh hỏi:

– Anh bảo tôi phải không?”

Tác dụng của dấu gạch ngang: _____